

# CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHÍNH PHÁP CỦA PHẬT GIÁO MIỀN NAM VIỆT NAM NĂM 1963 VÀ HÌNH ẢNH TỰ THIÊU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

HUỲNH THANH MỘNG\*

## 1. Nguyên nhân dẫn đến cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963

Sau năm 1954, đế quốc Mỹ can thiệp sâu rộng và trực tiếp vào miền Nam Việt Nam, dựng lên chính thể Việt Nam Cộng hòa, nhằm chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ, ngăn chặn “làn sóng đỏ” xuống khu vực Đông Nam Á. Dưới sự cai trị, quản lý của chính quyền Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của Mỹ, Phật giáo miền Nam Việt Nam không chỉ bị phân tán, chia rẽ giữa các tổ chức, hội, giáo hội, mà còn bị chính quyền Ngô Đình Diệm “thi hành chính sách kỳ thị tôn giáo, chỉ tin cậy và ưu đãi những người cùng tôn giáo với mình, ngược lại bắt bớ, giam cầm, kể cả bắn giết nhiều Phật tử chỉ vì họ đã tham gia kháng chiến chống Pháp trước đây hay bị tình nghi là có cảm tình với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam” (1); đồng thời, cài cắm gián điệp, mật vụ vào bên trong các tổ chức Phật giáo nhằm nắm giữ, không chế hoặc gây cản trở các hoạt động yêu nước của tăng ni, Phật tử (2). Điều đó không những cản trở những hoạt động sinh hoạt tôn giáo chính đáng của tăng ni, Phật tử, mà còn gây ra sự bất

bình của tăng ni, Phật tử đối với chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tình hình trên đã đặt ra cho tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam hai vấn đề lớn đòi hỏi cần giải quyết: *Một là*, thống nhất ý chí và hành động của tăng ni và Phật tử miền Nam Việt Nam; *Hai là*, đấu tranh chống chính sách kỳ thị tôn giáo, đòi chính quyền Sài Gòn tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Tại Đại hội kỳ II (tháng 4-1956), Tổng hội Phật giáo Việt Nam xác định một số công việc trọng tâm là: “can thiệp với chính quyền để tái công nhận ngày Phật giáng sinh (ngày 8 tháng 4) như một ngày lễ chính thức, công chức được nghỉ lễ” (3); “thống nhất tiếng nói Phật giáo về phương diện phát thanh và báo chí”, “tìm phương diện để thống nhất ý chí và hành động của toàn thể Phật giáo đồ trong nước” (4). Tiếp đó, tháng 9-1959, Đại hội lần thứ III Tổng hội Phật giáo Việt Nam đã chủ trương: “Xét vấn đề thống nhất thật sự bằng phương pháp tiêu dung 6 tập đoàn hiện hữu trong một tổ chức duy nhất” (5). Tuy nhiên, ý chí thống nhất Phật giáo chưa chín muồi để tiêu dung các tổ chức hội, giáo hội thuộc Phật giáo Bắc Tông: Phật giáo Tăng già Bắc Việt, Việt Nam Phật giáo (Bắc Phần), Giáo hội Tăng già Trung Phần, Việt Nam Phật học Trung Phần, Giáo hội Tăng già Nam Việt và Hội Phật học Nam Việt.

---

\*Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật

Trong khi giới tăng ni, Phật tử chưa thống nhất về ý chí và hành động, thì chính quyền Sài Gòn lại tăng cường xâm phạm các quyền tự do tín ngưỡng và tiến hành chính sách kỳ thị tôn giáo như: bắt bớ, giam cầm ban trị sự Phật giáo, Phật tử, dùng chiêu bài “liên can với cộng sản” để buộc tín đồ Phật tử phải di dân, dụ dỗ cải đạo, cấm Phật tử đi chùa... được Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam nêu rõ trong Thông điệp ngày 20-2-1962 (6).

Khi thăm nhà thờ La Vang ngày 6-5-1963, Tổng Giám mục Ngô Đình Thục thấy dọc đường treo cờ Phật giáo khắp thôn xóm để chào mừng ngày Phật đản, lo sợ “cái mộng Hồng Y của Thục khó sớm thành sự thực vì đã nhiều lần Thục lỗ phước trình với Tòa thánh là dân Việt Nam ngày càng cải đạo, càng hướng về giáo hội La Mã” (7) nên ngay khi trở về Huế, Ngô Đình Thục đã gọi đại biểu chính phủ Trung phần là Hồ Đắc Khương đến Tòa giám mục để khiển trách và gọi cho Ngô Đình Diệm thông báo tình hình, nhấn mạnh sự việc tăng ni, Phật tử không tuân theo luật quy định thể thức treo cờ của chính phủ. Ngay sau khi biết tin, Ngô Đình Diệm ra Công điện số 9195, gửi đến các tỉnh miền Nam buộc phải triệt hạ cờ Phật giáo. Tuy nhiên, điều đáng lưu tâm là: “Người Công giáo trắng trợn vi phạm luật treo cờ thì anh em ông Ngô Đình Diệm chẳng những không bao giờ dả động đến mà còn lấy làm sung sướng vì sự ưu thế có tính cách hình thức đó, thế mà năm 1963, Phật tử treo cờ nhân ngày Phật đản thì Ngô Đình Thục tức giận đặt vấn đề thể lệ treo cờ” (8). Đây là biểu hiện rõ ràng cho sự kỳ thị, chèn ép Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Ngày 7-5-1963, trong lúc Phật tử, người dân Huế và Thừa Thiên chuẩn bị làm lễ Phật đản thì cảnh sát đến tận nhà buộc hạ

cờ Phật giáo. Trước biện pháp bất bình đẳng tôn giáo, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Thích Tịnh Khiết cùng với một số tăng sĩ đến gặp Tỉnh trưởng Thừa Thiên yêu cầu can thiệp để khỏi hạ cờ Phật giáo, bên ngoài có khoảng 5.000 tín đồ Phật tử chờ đợi thông tin của chính quyền. Tỉnh trưởng Thừa Thiên giải thích là do có sự hiểu lầm từ cấp trên, nhận khuyết điểm của cảnh sát và cho xe phóng thanh loan báo quyết định không cấm treo cờ Phật giáo khắp thành phố (9).

Ngày 8-5-1963, tại Huế, tăng ni, Phật tử tổ chức lễ rước Phật từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm. Tại sân chùa Từ Đàm, Thượng tọa Thích Trí Quang - Hội trưởng Phật giáo Trung Phần đã lên diễn đàn bày tỏ ý kiến rằng: “nguyện vọng của các Phật giáo đồ đòi hỏi bài lệnh treo cờ và yêu cầu chính phủ hủy bỏ Dự số 10 để thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo, là những nguyện vọng chính đáng, có tính cách xây dựng, không những lợi riêng cho Phật giáo cùng các tôn giáo khác, mà còn lợi ích cho chính quyền nữa” (10). Lễ rước Phật trở thành cuộc biểu tình với các biểu ngữ đòi bình đẳng tôn giáo và phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, như: “Chúng tôi đã đến lúc bị bắt buộc phải tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng”, “Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào”, “Phản đối chính sách bất công, gian ác” (11),... Sau đó, Thượng tọa Thích Đôn Hậu “cử hành phần lễ Phật và rồi đoàn rước Phật vui vẻ phân tán” (12).

Chương trình đài phát hành Huế lúc 20 giờ cùng ngày không phát thanh Lễ Phật đản như thông báo. Do nhiều nguyên nhân mà số lượng đồng bào Phật tử và người dân lên đến 10.000 người “đã đến đài để tìm hiểu nguyên do” (13). Sau một lúc quanh co thì được trả lời là do chính quyền không cho phép. Đồng bào Phật tử và người dân

yêu cầu phát thanh chương trình Lễ Phật dẫn. Trong lúc Thượng tọa Thích Trí Quang trao đổi giải pháp dung hòa với Giám đốc Đài Phát thanh Huế và Tỉnh trưởng Thừa Thiên về vấn đề phát thanh chương trình, thì ở bên ngoài Phó Tỉnh trưởng nội an Đặng Sĩ đã ra lệnh đàn áp để giải tán “đám đông biểu tình”. Kết quả “có 14 người bị thương, 8 người bị giết bằng súng, lựu đạn và xe thiết giáp, trong số 8 người chết có 6 thanh thiếu nhi, 2 em bị cán mất nửa đầu, xương sọ bị vụn tan không nhìn được mặt, và một em bị nát hẳn đầu” (14). Máu của đồng bào Phật tử đã đổ, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam Việt Nam cũng bắt đầu từ đó.

## **2. Các giai đoạn của cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam năm 1963**

*Đòi chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm đáp ứng 5 nguyện vọng chính đáng của đồng bào Phật tử (8/5 - 16/6/1963)*

Ngày 9-5-1963, Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi đến các tăng ni và toàn thể đồng bào Phật tử “một tâm thư kêu gọi sự bình tĩnh sáng suốt và chuẩn bị cho cuộc tranh đấu vì chính nghĩa” (15). Ngày 10-5, các cấp lãnh đạo Phật giáo ở miền Nam đã họp tại chùa Từ Đàm (Huế) thống nhất ra Tuyên ngôn yêu cầu chính quyền Sài Gòn: 1) Thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ cờ Phật giáo; 2) Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên chúa đã được ghi nhận trong Dự số 10 về hiệp hội; 3) Chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo; 4) Yêu cầu cho tăng ni, Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo; 5) Đền bù xứng đáng cho những nạn nhân tại Đài phát thanh Huế và kẻ chủ mưu phải bị trừng trị đúng mức (16). Nhận thấy sự thiếu thiện chí của chính quyền Ngô Đình Diệm, ngày 16-5-

1963, phái đoàn Phật giáo tổ chức một cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), công bố Tuyên ngôn về đường lối bảo vệ chính pháp và vạch trần chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Bộ trưởng Bộ Công dân vụ Ngô Trọng Hiếu tham dự họp báo chỉ lặp đi lặp lại lối giải thích: “Tổng thống Diệm chỉ muốn “quốc kỳ được tôn trọng” mà không hề đề cập đến những nguyện vọng của Phật giáo” (17).

Trước sự vu cáo của chính quyền Ngô Đình Diệm cho rằng “cuộc đấu tranh của Phật giáo là do Cộng sản điều động và chỉ làm lợi cho Việt cộng” (18), ngày 23-5-1963, các lãnh đạo Phật giáo miền Nam đã công bố bản phụ đính kèm bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 tại chùa Từ Đàm, nhằm giải thích rõ quan điểm của Tổng hội Phật giáo Việt Nam về những vấn đề chính yếu trong bản Tuyên ngôn: 1) Không chủ trương lật đổ chính phủ mà chỉ nhằm đến sự thay đổi chính sách của chính phủ; 2) Không có kẻ thù và cũng không xem ai là kẻ thù; 3) Đấu tranh cho bình đẳng tôn giáo trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội; 4) Đấu tranh bất bạo động; 5) Không chấp nhận sự lợi dụng của các lực lượng khác vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội. Đến ngày 25-5-1963, Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo được thành lập, với nhiều tổ chức, hội, giáo hội thành viên (19). Các tổ chức, hội, giáo hội: Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo hội Tăng già Bắc Việt (tại miền Nam), Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Theravada (người Việt gốc Campuchia), Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Hội Việt Nam Phật giáo (Bắc Phần), Phật tử Theravada, Hội Phật học Nam Việt đã ra Tuyên ngôn ủng hộ năm nguyện vọng tối thiểu của Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 và quyết đoàn kết đến cùng trong cuộc đấu tranh bất bạo động và hợp pháp để thực

hiện các nguyện vọng chính đáng ấy (20).

Ngày 27-5-1963, Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi Thông bạch cho toàn thể tăng ni, Phật tử yêu cầu lập linh vị các Phật tử mất vì đạo tại Huế trong ngày Phật đản theo Phật lịch năm 2507 và yêu cầu các tổ chức, giáo phái tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh công khai vì năm nguyện vọng tín ngưỡng thuần túy của Phật giáo. Đến ngày 29-5, Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi đến các tăng ni, Phật tử lời kêu gọi hưởng ứng tuyệt thực 48 giờ, bắt đầu từ ngày 30-5-1963, đồng thời gửi văn thư đến Ngô Đình Diệm ý nghĩa của buổi tuyệt thực là “hướng nguyện vào sự hoàn mãn năm nguyện vọng của Phật giáo đồ đã nêu trong Tuyên ngôn” (21).

Hơn ba tuần trôi qua, đến ngày 29-5-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn giữ lập trường cũ và ra thông tri xác nhận quan điểm “tôn trọng tự do tín ngưỡng, không kỳ thị tôn giáo, chỉ quy định việc treo cờ vì tôn trọng quốc kỳ” (22), mà không giải quyết năm nguyện vọng của đồng bào Phật giáo. Đến đầu tháng 6-1963, trước tình hình căng thẳng giữa Phật giáo và chính quyền miền Nam, nhất là ở Huế, Ngô Đình Diệm đã triệu tập Tỉnh trưởng Thừa Thiên và Phó Tỉnh trưởng bảo an về Sài Gòn, đọi lệnh ở Bộ Nội vụ (ngày 1-6) và thành lập Ủy ban liên bộ (ngày 4-6) để hợp tác cùng Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo giải quyết các nguyện vọng của tăng ni, Phật tử miền Nam.

Ngày 5-6-1963, phiên họp đầu tiên giữa Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo với Ủy ban liên bộ được tổ chức. Song “những hành động chống phá Phật giáo vẫn tiếp tục xảy ra tại các địa phương và ngay giữa thủ đô Sài Gòn” (23). Ngày 9-6, Thượng tọa Thích Thiện Hoa, thành viên trong cuộc họp giữa hai Ủy ban đã nhấn mạnh: “Cuộc

hội đàm ngày 5-6-1963 giữa Ủy ban liên phái và Ủy ban liên bộ chưa đạt đến một thỏa thuận nào cả” (24).

Pháp nạn Phật giáo hiện ra trước mắt tăng ni, Phật tử miền Nam. Tinh thần hòa bình, hỷ xả của Phật giáo đồ miền Nam đã phát huy đến cao độ. Trong khi đó, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn thực thi các chính sách kỳ thị tôn giáo, cản trở sự tự do tín ngưỡng, tôn giáo đối với Phật giáo. Mối quan hệ giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng căng thẳng. Để “khai ngộ” giới lãnh đạo chính quyền Ngô Đình Diệm, kêu gọi dư luận tiến bộ quan tâm đến tăng ni, Phật tử miền Nam trước sự kỳ thị, đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm, Phật giáo miền Nam cần có những hành động quyết liệt hơn nữa trước Pháp nạn. Ngày 11-6-1963, tại ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu, hy sinh nhục thể cho cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp.

Bất ngờ trước hành động xả thân vì đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức, lo sợ viễn cảnh bất ngờ tiếp theo của giới Phật giáo miền Nam ảnh hưởng đến chính quyền Ngô Đình Diệm, ngày 12-6-1963, Ủy ban liên bộ vội vã đề nghị Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo hội kiến để giải quyết bất đồng. Cũng trong ngày 12-6, qua Đài phát thanh Sài Gòn, Ngô Đình Diệm kêu gọi tăng ni, đồng bào Phật tử bình tĩnh và đề nghị cho Quốc hội lập Ủy ban đặc biệt nghiên cứu sửa đổi Dự số 10 (25).

Ngày 14-6-1963, phiên họp lần thứ hai giữa Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo, Tổng hội Phật giáo Việt Nam với Ủy ban liên bộ về việc giải quyết năm nguyện vọng của Phật giáo. Đến ngày 16-6, Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo và Ủy ban liên bộ nhất trí ra *Thông cáo chung giải quyết 5*

*nguyện vọng chính đáng của Phật giáo, xác định những điểm cơ bản thỏa hiệp về cách treo cờ Phật giáo và quốc kỳ; tách hiệp hội có tính chất tôn giáo ra khỏi Dự số 10 và lập một quy chế phối hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những hiệp hội tôn giáo; vấn đề bất bố và giam giữ Phật giáo đồ; tự do truyền giáo và hành giáo. Thông cáo chung được ký kết sau khi được Hội chủ Tổng hội Phật giáo và Ngô Đình Diệm duyệt y, đã được loan truyền ngay giữa mờ sáng bằng xe phóng thanh, điện đánh đến các tỉnh và đài phát thanh chính quyền (26).*

*Đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Thông cáo chung giải quyết năm nguyện vọng chính đáng của Phật giáo (16/6 - 20/8/1963)*

Sau khi đạt được những thỏa thuận cơ bản về năm nguyện vọng chính đáng của Phật giáo, lo sợ lực lượng khác khai thác ưu thế của đồng bào Phật tử ảnh hưởng đến việc thi hành Thông cáo chung giữa Phật giáo với chính quyền, ngày 17-6, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam ra Thông bạch kêu gọi giáo đồ “chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia và thành tâm cầu nguyện cho bản Thông cáo chung được chính phủ Ngô Đình Diệm thi hành đúng đắn” (27).

Mặc dù đã duyệt y Thông cáo chung, nhưng ngay trong ngày 16-6-1963, Ngô Đình Diệm lại ra mật lệnh thực hiện “Kế hoạch nước lũ” nhằm phân hóa và cô lập chùa chiền, tăng ni, Phật tử, trấn áp và thủ tiêu tinh thần đấu tranh của Phật giáo (28). Ngày 18-6, Văn phòng Tổng thống phủ ban hành công điện tối mật lệnh “tạm thời nhún nhường họ”, song nhấn mạnh đến việc “chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tiến công mới” và “theo dõi, điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp, kể cả sĩ quan và công

chức cấp cao” (29). Vì vậy, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam tiếp tục diễn ra và ngày càng sôi nổi, rộng khắp bởi việc thiếu nghiêm chỉnh và phá hoại Thông cáo chung của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Về vấn đề quốc kỳ và Phật kỳ, Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định số 358-BNV/KS ngày 9-7-1963 về thể thức treo cờ Phật giáo cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam, song Phật kỳ không phải riêng của tổ chức, cá nhân nào, mà của tất cả các tông phái, đoàn thể Phật giáo, nên bị giới tăng ni, Phật tử phản đối nội dung Nghị định. Về vấn đề đàn áp Phật giáo tại Đài phát thanh Huế ngày 8-5-1963, chính quyền Sài Gòn đưa ra Thông cáo ngày 11-7-1963, đổ lỗi nguyên nhân cho “Việt cộng gây ra”, nhưng thực chất do chính sách kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm và thể lực Thiên Chúa giáo của Ngô Đình Cẩn. Về vấn đề hành đạo, chính quyền Sài Gòn kiểm soát chặt chẽ, hạn chế và cản trở; ngăn chặn tăng ni đi lại trên đường phố; có nơi còn tổ chức mít tinh lên án Phật giáo (Phú Yên, Bình Định), phong tỏa chùa chiền (Quảng Trị),... Ngày 26-6, Ngô Đình Nhu cho rằng: “những biến động vừa qua là chiến dịch bất tuân pháp luật do các nhà sư “cuồng tín”, “thiếu giáo dục”, “thiếu học tập” xáo động” (30). Bên cạnh đó, ngày 12-7, chính quyền Sài Gòn còn ủng hộ một số người trong phái Lục Hòa thành lập Giáo hội Phật giáo Cổ sơn môn, đối trọng với lực lượng đấu tranh của Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo và Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Những hành động đó làm cho giới tăng ni, Phật tử ngày càng bất mãn, phản uất và liên tiếp có những hành động đấu tranh bảo vệ chính pháp.

Ngày 16-7-1963, Tổng hội Phật giáo Việt Nam và Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo ra Thông bạch phát động phong trào

đấu tranh đòi thực thi Thông cáo chung. Phong trào đấu tranh được mở đầu bằng cuộc biểu tình trước nhà riêng của Đại sứ Mỹ từ 9 giờ đến 11 giờ, với sự tham gia của khoảng 300 tăng ni, Phật tử để yêu cầu Mỹ “hãy làm tất cả những gì có thể để cứu nguy cho hàng triệu tín đồ Phật giáo Việt Nam” vì Thông cáo chung không được thi hành (31). Sau đó, nhiều buổi tuyệt thực, cuộc biểu tình đấu tranh bảo vệ chính pháp diễn ra ở khắp nơi ở miền Nam. Trong khi đó, chính quyền Sài Gòn ngoan cố tiếp tục thực hiện chính sách kỳ thị tôn giáo đối với Phật giáo, bắt bớ, giam cầm và đối xử tàn nhẫn đối với tăng ni, Phật tử biểu tình, tuyệt thực và nghiêm trọng hơn, ngày 3-8-1963, Trần Lệ Xuân lấy danh nghĩa người đứng đầu phong trào phụ nữ liên đới và phụ nữ bán quân sự phát biểu miệt thị sự sãi, lên án Phật giáo và kêu gọi chống lại Thông cáo chung.

Không khí giữa giới tăng ni, Phật tử với chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng căng thẳng, các hành động tự thiêu của Đại đức Nguyên Hương ở Phan Thiết (ngày 4-8), Đại đức Thanh Tuệ tại Huế (ngày 13-8), Ni cô Diệu Quang tại Ninh Hòa (ngày 15-8), Hòa thượng Thích Tiêu Diêu tại chùa Từ Đàm (Huế, ngày 16-8), chặt đứt ngón tay của Sư nữ Âu Dương trước Phật đường Linh Sơn (ngày 9-8), Nữ sinh Mai Thuyết An tại chùa Xá Lợi (ngày 12-8) đã làm cho phong trào đấu tranh Phật giáo của tăng ni, Phật tử ngày càng dâng cao. Sáng ngày 11-8-1963 và ngày 18-8-1963, dưới sự chủ trì của Thượng tọa Thích Thiện Hoa, hơn 10 nghìn Phật tử đến chùa Xá Lợi, tuyệt thực làm lễ cầu siêu cho các tăng ni, Phật tử đã hy sinh vì chính pháp. Cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo đã đến thời điểm gay go quyết liệt. Lòng bảo vệ chính pháp của đồng bào Phật tử đã sôi lên cực độ trước mọi hành động phát xít, xảo trá,

bịp bợm của chính quyền Ngô Đình Diệm. Phía Ủy ban liên phái đặt vấn đề tiên quyết buộc chính quyền Ngô Đình Diệm phải thực thi Thông cáo chung, mới bàn đến vấn đề thỏa hiệp; đồng thời tích cực hướng dẫn Phật tử tranh đấu bất bạo động để bảo vệ chính pháp đến thành công (32).

Trước tình hình đó, ngày 20-8, Ngô Đình Diệm triệu tập Hội đồng chính phủ, nhấn mạnh “phải hành động cương quyết và lãnh trách nhiệm trước lịch sử thì có tin Việt cộng sắp tràn ngập lãnh thổ” và ban hành thiết quân luật, lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ và giao quân đội bảo vệ an ninh, trật tự (33). Sau đó, chính quyền Sài Gòn tiến hành bao vây, lục soát các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Kỳ Viên, bắt nhân sự Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo. Trên toàn miền Nam, có trên 1.400 tăng ni và Phật tử bị bắt, trong đó có Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo đứng đầu Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo (34). Thông qua Đài phát thanh, Ngô Đình Diệm “vu khống Phật giáo là cộng sản, chùa chiền chứa vũ khí, đạn dược, tài liệu âm mưu lật đổ chính phủ” (35). Phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của Ngô Đình Diệm, giáo sư Vũ Văn Mẫu - một Phật tử nhiệt thành, đã xuống tóc (cạo trọc) và trình đơn từ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa.

*Giai đoạn chính phủ Mỹ có thái độ cứng rắn về vấn đề Phật giáo, can thiệp và hỗ trợ đảo chính Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền mới ở miền Nam (8/1963 - 2/11/1963)*

Mất người lãnh đạo, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của tăng ni, Phật tử tạm lắng xuống. Phật giáo miền Nam Việt Nam bước vào giai đoạn sinh tử, nguy nan hơn bao giờ hết. Song dư âm của cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo còn rất lớn, tác động trực tiếp đến chính sách của Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Những hành động đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm dường như đã dần mờ nhạt mục tiêu mà Mỹ đã dựng nên chính quyền này, do vậy chính quyền Mỹ đã có động thái cứng rắn đối với chính quyền Ngô Đình Diệm. Vài ngày sau khi chính quyền Sài Gòn tấn công vào chùa, bắt Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo, Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn, thay thế ông Frederick E. Nolting làm Đại sứ Mỹ tại Việt Nam. Việc bổ nhiệm Henry Cabot Lodge - một nhân vật nổi tiếng của Đảng Cộng hòa và cũng là cựu đối thủ chính trị của Tổng thống John F. Kennedy, cho thấy một thái độ cứng rắn mới của Mỹ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm.

Sau khi đến Sài Gòn, ngày 23-8-1963, Đại sứ Henry Cabot Lodge đã làm trầm trọng hơn mối quan hệ với chính quyền Ngô Đình Diệm, khi để Thượng tọa Thích Trí Quang và Đại đức Thích Nhật Thiện trú ẩn tại nơi của phái đoàn kinh tế Mỹ bên cạnh chùa Xá Lợi (9 ngày sau, hai nhà sư rời khỏi phái bộ Mỹ; đến tối ngày 1-9, Thượng tọa Thích Trí Quang cùng hai tăng sinh đến trú ẩn tại Tòa đại sứ Mỹ, Đại sứ Henry Cabot Lodge đã từ chối yêu cầu của chính quyền Sài Gòn rằng giao vị sư chạy trốn cho chính quyền) (36). Tuy nhiên, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn tiếp tục sử dụng thiết quân luật, giới nghiêm làm vỏ bọc đàn áp tăng ni, Phật tử. Trước thái độ ngoan cố của Ngô Đình Diệm, ngày 24-8, Bộ Ngoại giao Mỹ gửi công điện đến Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, xác định rõ trước hết: “Chính quyền Mỹ không thể chấp nhận các hành động chống lại các Phật tử do Ngô Đình Nhu và những người cộng tác của ông ta thực hiện dưới vỏ bọc của thiết quân luật” và “Cần có những hành động kịch tính kịp thời để khắc phục tình hình, bao gồm việc bãi bỏ Dự số 10, trả tự do cho các tăng ni bị bắt...” (37). Chính phủ Mỹ

xác định vai trò trung tâm của hành động đàn áp tăng ni, Phật tử là do cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu, từ đó yêu cầu Ngô Đình Nhu rút khỏi chính trường Việt Nam Cộng hòa; mặc dù Ngô Đình Diệm còn nhiều thiếu sót trong việc thực hiện nhiệm vụ xâm lược thực dân kiểu mới, song chính quyền Mỹ vẫn cố gắng duy trì và củng cố vai trò của Ngô Đình Diệm và hy vọng ông ta có thể đưa Ngô Đình Nhu ra khỏi chính trường một cách hợp lý. Do đó, Bộ Ngoại giao Mỹ nhấn mạnh: “phải nói với các nhà lãnh đạo quân sự chủ chốt [của chính quyền Sài Gòn - TG] rằng Mỹ sẽ thấy không thể tiếp tục hỗ trợ chính quyền Sài Gòn về mặt quân sự và kinh tế trừ khi các bước trên được thực hiện ngay lập tức mà chúng tôi nhận thấy đòi hỏi phải loại bỏ Nhu khỏi chính trường. Chúng tôi mong muốn cho Ngô Đình Diệm cơ hội phù hợp để loại bỏ Nhu, nhưng nếu ông ấy vẫn ngoan cố, thì chúng tôi sẵn sàng chấp nhận hàm ý rõ ràng rằng chúng tôi không thể ủng hộ Ngô Đình Diệm nữa” (38). Để thực hiện hành động trên, Bộ Ngoại giao Mỹ chỉ rõ: “Đại sứ và phái đoàn quốc gia nên khẩn trương kiểm tra tất cả các khả năng lãnh đạo thay thế và lập kế hoạch chi tiết về cách chúng ta có thể đưa ra sự thay thế của ông Ngô Đình Diệm nếu điều này trở nên cần thiết” (39).

Ngày 26-8-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập “Ủy ban bảo vệ Phật giáo thuần túy”, tiếp tục vu khống các vị lãnh đạo Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo “bị cộng sản lợi dụng và có ý đồ hoạt động chính trị” (40). Quyền lực chính trị quốc gia gắn liền với dân cư, mà Phật giáo là một tôn giáo “bản địa hóa”, hằn sâu trong tâm thức người Việt Nam từ lâu đời, thành một yếu tố truyền thống của dân tộc, chiếm khoảng 90% dân số ở miền Nam, thì việc ngoan cố đàn áp Phật giáo của chính quyền

Ngô Đình Diệm đã chiêm ngòi cho những ý định chống lại Ngô Đình Diệm ngay trong nội bộ chính quyền Sài Gòn. Điện từ Trung ương Cục Tình báo Sài Gòn về cơ quan ngày 10-9-1963 nêu rõ: “Khủng hoảng Phật giáo. Tin tưởng rằng chính quyền Sài Gòn rõ ràng không có khái niệm về kết quả sẽ xuất phát từ các hạn chế của chính quyền Sài Gòn trước ngày 8-5. Sau ngày 8-5, chính quyền Sài Gòn đã đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của tình hình và di chuyển một cách miễn cưỡng và quá chậm chạp... các tướng lĩnh đã có một số suy nghĩ về việc nắm quyền lực chính phủ nhưng không thống nhất, kiên quyết hoặc xúc tiến hành động để chuẩn bị đảo chính” (41).

Yêu cầu đưa Ngô Đình Nhu ra khỏi chính trường của chính phủ Mỹ không được Ngô Đình Diệm tán thành và bị đáp trả bằng việc bị Ngô Đình Nhu hăm dọa đặt vấn đề trao đổi với lực lượng cách mạng. Trong một cuộc trao đổi với Đại sứ Henry Cabot Lodge, Ngô Đình Nhu nói rằng sẽ rời khỏi chính quyền Ngô Đình Diệm vĩnh viễn sau khi thiết quân luật được dỡ bỏ, song lại hăm dọa Đại sứ Henry Cabot Lodge: “Tôi rất hữu ích cho Việt Nam vì tôi hiện là người trung gian được Việt cộng chấp nhận cho cuộc đối thoại của họ. Tuy nhiên, để nhấn mạnh hành động điên rồ mà ông đang phạm phải, tôi sẵn sàng hành động, nếu chúng ta có thể đạt được thỏa thuận” (42). Từ đây, sự căng thẳng giữa chính quyền Ngô Đình Diệm với chính phủ Mỹ đã lên đến đỉnh điểm, báo hiệu một cuộc đảo chính quân sự được dàn xếp bởi người Mỹ sắp xảy ra. Trước áp lực từ chính quyền Mỹ, ngày 27-9-1963, Ngô Đình Diệm dỡ bỏ thiết quân luật. Những cuộc đàn áp Phật giáo và sinh viên đã khiến bầu không khí chính trị ở Sài Gòn trở nên ngột ngạt với những tin đồn về các cuộc đảo chính sắp xảy ra.

Ngày 10-9-1963, Trần Lệ Xuân dẫn đầu phái đoàn tham dự Hội nghị quốc tế nghị sĩ tại Nam Tư, song mục tiêu chính là đến các nước Âu - Mỹ để “giải độc” dư luận quốc tế về vấn đề Phật giáo ở Việt Nam. Tuy nhiên, hành động giải độc với những câu nói thiếu thiện cảm, lăng mạ tăng ni, Phật tử của Trần Lệ Xuân càng làm cho quốc tế quan tâm đến việc đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Tháng 9-1963, Bửu Hội - con trai của Sư bà Diệu Huệ, đến New York để tìm hiểu dư luận Mỹ về vấn đề Phật giáo miền Nam Việt Nam. Đại sứ Bửu Hội nhận thức rằng, áp lực từ nước ngoài thay mặt cho Phật tử có thể hữu ích, nhưng “chìa khóa của cuộc khủng hoảng là đảm bảo rằng Ngô Đình Diệm thực hiện một cách trung thực các điều khoản thỏa hiệp năm nguyện vọng mà ông đã ký với các Phật tử vào tháng Sáu” (43). Đến ngày 16-10, Đại hội đồng Liên hợp quốc ra quyết nghị cử một phái đoàn sang Việt Nam điều tra chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo. Ngày 24-10, phái đoàn Liên hợp quốc đến Sài Gòn thực hiện nhiệm vụ điều tra và bảo vệ Phật giáo. Cũng trong thời gian này, đồng bào Phật tử chứng kiến tiếp tục hành động tự thiêu của Đại đức Thích Quảng Hương tại chợ Bến Thành (ngày 5-10) và Đại đức Thích Thiện Mỹ tại công trường Hòa Bình, nhà thờ Đức Bà (ngày 27-10), là minh chứng phản bác quan điểm không đàn áp Phật giáo của Diệm - Nhu, góp phần làm cho phái đoàn của Liên hợp quốc hiểu rõ Pháp nạn Phật giáo Việt Nam năm 1963.

Ở miền Nam Việt Nam, trong tháng 9 và 10-1963, nhằm nhanh chóng chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, “Đại sứ Mỹ đã đưa ra một kế hoạch táo bạo nhằm thay đổi chính phủ [miền Nam - TG] Việt Nam ở cấp cao nhất. Ông không quan tâm đến việc

cố gắng xoa dịu căng thẳng trong nước, ít nhất là bằng cách sử dụng chính sách ngoại giao kiên nhẫn và nhẹ nhàng” (44). Ngày 1-11-1963, Hội đồng các tướng lĩnh mà người đứng đầu là Dương Văn Minh - một tín đồ Phật giáo, đã phát động cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau khi đảo chính thành công, Hội đồng Quân nhân cách mạng được thành lập, do Dương Văn Minh là Chủ tịch, nắm quyền quản lý miền Nam Việt Nam, trả tự do cho các tăng ni, Phật tử bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt. Hoạt động sinh hoạt Phật giáo của tăng ni, Phật tử được chính quyền mới bảo đảm. Từ đây, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của tăng ni, Phật tử miền Nam, đòi tự do tín ngưỡng, tôn giáo, chống chính sách kỳ thị của chính quyền Ngô Đình Diệm kết thúc.

### **3. Hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam năm 1963**

Sáng ngày 11-6-1963, trên 800 tăng ni, Phật tử tập trung tại Phật Bửu tự, sau lưng Tam Tông miếu để làm lễ cầu siêu cho 8 Phật tử mất vì đạo trong ngày Phật đản theo Phật lịch năm 2507 tại Huế. Sau buổi lễ, mọi người đã diễu hành trong trật tự, im lặng qua đường Phan Đình Phùng dẫn đầu là chiếc xe hiệu Austin số TBA 599 chở Hòa thượng Thích Quảng Đức. Khi đến ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt, chiếc xe dừng lại như để sửa chữa; các tăng ni tập trung thành một vòng tròn bao quanh ngã tư; Hòa thượng Thích Quảng Đức từ trong xe bước ra, ngồi xuống ngã tư, một nhà sư đã giúp Hòa thượng Thích Quảng Đức tẩm xăng vào áo, sau đó Hòa thượng Thích Quảng Đức tự đánh lửa tự thiêu. Trong khi lửa cháy nóng dữ dội, Hòa thượng Thích Quảng Đức vẫn ngồi yên vững chắc, tay chấp niệm Phật. Hòa thượng Thích Quảng

Đức tự thiêu để yêu cầu chính phủ giải tỏa chùa Từ Đàm với trên 300 tăng ni, Phật tử, trong đó có Hòa thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết và các tăng ni, Phật tử; đồng thời, gửi một bức thư yêu cầu Ngô Đình Diệm giải quyết kịp thời năm nguyện vọng chính đáng của Phật giáo miền Nam (45). Trước khi tự thiêu, Hòa thượng Thích Quảng Đức phát đại nguyện: “Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc giữa nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo... Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc” (46).

“Tự thiêu là một hình thức đấu tranh về cơ bản là tiêu cực” (47), song không phải là một điều xa lạ với tục lệ của một số pháp phái Phật giáo trong những thời kỳ nhất định. Trong hoàn cảnh miền Nam Việt Nam dưới chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo, hình thức đấu tranh “tự thiêu” có một giá trị tích cực. Hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã trở thành “một bản án không gì bao che được đối với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời cũng là một lời kêu gọi đồng bào và Phật tử đấu tranh chống phát xít, dù chết không chịu lùi bước” (48). Hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức mở đầu cho một loạt hành động phát nguyện “tự thiêu” và tạo động lực để tín đồ Phật tử và nhân dân đứng lên đấu tranh chống chính sách phát xít, phản động của chính quyền Ngô Đình Diệm. Các hành động “tự thiêu” của Đại đức Thích Nguyên Hương (4-8), Đại đức Thích Thanh Tuệ (13-8), Thích nữ Diệu Quang (15-8), Thượng tọa Thích Tiêu Diêu (16-8), Đại đức Thích Quảng Hương (5-10), Đại đức Thích Thiện Mỹ (27-10) vào năm 1963, làm cho cuộc đấu tranh bảo vệ

chính pháp của Phật giáo miền Nam phát triển đến cao trào và buộc chính quyền Ngô Đình Diệm phải nhượng bộ, thỏa thuận đáp ứng năm nguyện vọng chính đáng của đồng bào Phật tử. Sau hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, các tổ chức, hội, giáo hội vốn thiếu tính thống nhất, phân tán và có phần chia rẽ đã đoàn kết ý chí và hành động, thành lập một tổ chức ý chí bảo vệ chính pháp chung là Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo do Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam là Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đứng đầu. Sự ra đời của Ủy ban liên phái không những định hướng, dẫn đạo cho tăng ni, Phật tử miền Nam đấu tranh bảo vệ chính pháp, mà còn là điểm kết nối để thống nhất ý chí và hành động, tạo điều kiện tiền đề cho cuộc vận động thành lập một tổ chức giáo hội thống nhất về sau.

Hình ảnh tự thiêu phát nguyện vì chính pháp cùng những viên xá lợi kết tinh từ “nhục thể” và “trái tim bất diệt” của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã đưa Hòa thượng Thích Quảng Đức trở thành một biểu tượng Phật giáo cao quý, trở thành một vị *bồ tát* trong lòng tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam. Ngọn lửa tự thiêu Thích Quảng Đức trở thành bất tử và đi vào thực tiễn như một giá trị truyền thống, cao quý và xả thân của Phật giáo, tâm thức văn hóa Phật giáo Việt Nam không chỉ trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp năm 1963 mà còn trong hoạt động “hoàng dương Phật pháp, nhị thập tứ hành” của tăng ni Phật giáo Việt Nam hiện nay.

*Đối với chính quyền Sài Gòn*, hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tác động đến tâm lý, hành động luống cuống của Ngô Đình Diệm, đưa đến những quyết định vội vàng, thúc đẩy cuộc đấu tranh bảo vệ đạo pháp của Phật giáo tiến đến bước ngoặt mới. Hình ảnh Hòa thượng

Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, nhanh chóng được lan truyền khắp nơi trong cả nước và trên thế giới, gây nên sự chấn động tâm lý của nhân loại tiến bộ, trước hết và trực tiếp là hơn 70.000 đồng bào Phật tử và dân Sài Gòn đi theo đám tang của nhà sư (49). Lo sợ một cuộc đấu tranh chính trị lớn có thể xảy ra, Ngô Đình Diệm đưa ra lời thanh minh, kêu gọi giới tăng ni, Phật tử bình tĩnh: “Sự hòa giải đang tiến hành tốt đẹp thì, sớm nay, do sự tuyên truyền quá khích che giấu sự thật, gây sự hoài nghi về thiện chí của chính phủ, khiến một số người bị đầu độc gây một vụ án mạng oan uổng làm tôi rất đau lòng” (50); song lại thể hiện bản chất độc tài “*còn có Hiến pháp, nghĩa là có tôi*” trong khi Ngô Đình Diệm là “con dao găm” (51). Tạm thời nhượng bộ để yên dư luận, Ngô Đình Diệm đã chỉ đạo Ủy ban liên bộ nhanh chóng tìm cách liên lạc với Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo để kịp thời giải quyết tình hình căng thẳng giữa tăng ni, Phật tử với chính quyền. Nhờ sức ảnh hưởng của hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu mà phiên họp lần thứ hai giữa Ủy ban liên bộ và Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo đạt được kết quả, các nguyện vọng chính đáng của Phật giáo miền Nam được giải quyết thỏa đáng thông qua Thông cáo chung. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam chuyển từ yêu cầu giải quyết các nguyện vọng chính đáng của Phật giáo sang đấu tranh đòi thi hành nghiêm chỉnh *Thông cáo chung* của chính quyền Sài Gòn; hay nói cách khác, cuộc đấu tranh của tăng ni, Phật tử chuyển sang giai đoạn đấu tranh có cơ sở pháp lý vững chắc.

Hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức làm cho chế độ Ngô Đình Diệm đi đến quyết định sai lầm. “Vụ tự thiêu của nhà sư Thích Quảng Đức đã tác

động nhiều tới Ngô Đình Diệm. Ngô Đình Diệm trở nên thần thờ, làm lý và nhiều khi lộ rõ sự bối rối. Ngô Đình Nhu không thể cứ đứng ngoài cuộc, phải nhảy vào để chèo chống. Bọn mật vụ của Ngô Đình Nhu và của Ngô Đình Cẩn đã thu được nhiều bằng chứng lãnh sự quán của Mỹ ở Huế thường xuyên liên hệ với các thầy ở chùa Từ Đàm, CIA của Mỹ ở Sài Gòn luôn luôn đi lại chùa Xá Lợi. Ngô Đình Nhu không chủ trương nhân nhượng” (52). Ngô Đình Nhu cho rằng, cuộc đấu tranh này là “phản loạn, tay sai Việt cộng, tay sai ngoại bang”; còn Trần Lệ Xuân thì đưa ra lời lẽ quá quắt, khiến dư luận trong và ngoài nước phần nộ khi xem vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức là vụ “nướng, quay sừ” (53). Hai sự thật có tính chất nghiêm trọng đặt trước chính quyền Sài Gòn là vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức và việc bà Trần Lệ Xuân xem đây như là vụ “nướng, quay sừ”, đã làm xuất hiện “hình ảnh không thể chấp nhận được của chế độ Ngô Đình Diệm đã được thể hiện bằng lời nói và hình ảnh, không bao giờ bị xóa bỏ” (54). Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963, theo nhân viên CIA William Colby đã cho rằng: “Điều có thể dẫn đến việc lật đổ Ngô Đình Diệm là bức ảnh chụp vị sư tự thiêu” (55).

Ngày 5-7-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức xét xử tại Tòa án quân sự đặc biệt Sài Gòn về vụ “phản loạn nhảy dù” ngày 11-11-1960 nhằm cảnh cáo và thăm dò thái độ của trí thức, sinh viên và đảng phái khi mỗi ngày một đông đảo ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo. Nhà văn Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam, một bị can của phiên tòa, đã uống thuốc độc tự tử để phản đối chế độ độc tài Ngô Đình Diệm và nhấn lời trần trối đầy máu lệ với quốc dân, đồng bào: “Đời tôi để lịch sử xử. Tôi

không chịu để ai xử cả... Tôi tự hủy mình cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do” (56). Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo đã nhanh chóng vận động giới trí thức và sinh viên biến đám tang nhà văn Nhất Linh thành một cuộc biểu dương lực lượng đông đảo chống chế độ Ngô Đình Diệm. Từ đó, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo không còn giới hạn trong khuôn khổ Phật giáo, mà “trở thành một cuộc khủng hoảng có tính chính trị và liên hệ đến mọi thành phần khác của đại khối dân tộc” (57). Ngày 24-7, một số linh mục và thanh niên Thiên Chúa giáo gửi thư đến Giáo hoàng Phaolô VI và đức Khâm sứ Tòa thánh Vatican tại Sài Gòn “cầu xin đức Giáo hoàng dùng uy quyền tối cao để can thiệp với Ngô Đình Diệm chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo tại Việt Nam để mọi người được sống an vui trong tình huynh đệ” (58). Đến ngày 4-8, Giáo hoàng Phaolô VI chính thức kêu gọi chính quyền Ngô Đình Diệm “lưu tâm đến quyền lợi của nhân dân” (59).

*Đối với dư luận thế giới*, ngọn lửa tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức giúp dư luận quốc tế, trước hết là giới tăng ni, Phật tử trên thế giới hiểu rõ về sự đàn áp Phật giáo của chính quyền Sài Gòn, từ đó đưa phạm vi cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo không chỉ ở miền Nam Việt Nam, mà còn lan rộng khắp các quốc gia trên thế giới và đến diễn đàn lớn nhất hành tinh - Liên hợp quốc. Ngày 29-4-1963, khoảng 4.000 tăng ni, Phật tử Sri Lanka tổ chức mít tinh tại Colombo lên án chính quyền Ngô Đình Diệm ngược đãi Phật giáo; Thủ tướng Sri Lanka Bandaranaike đã kêu gọi các nước châu Á và châu Phi hưởng ứng đề nghị đưa vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo ra trước Đại hội đồng Liên hợp quốc.

Sau đó, nhiều tổ chức, đoàn thể Phật giáo và cả Thiên Chúa giáo các nước Mianma, Malaixia, Campuchia, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Trung Quốc tổ chức biểu tình, gửi thỉnh nguyện thư yêu cầu Liên hợp quốc có nghị quyết buộc chính quyền Ngô Đình Diệm chấm dứt đàn áp Phật giáo và vi phạm nhân quyền. Hội Đoàn kết Á - Phi tại Ấn Độ lên án chính sách kỳ thị, kỳ thị tôn giáo của chính quyền Sài Gòn... (60). Đến giữa tháng 8-1963, Tổng Thư ký Liên hợp quốc U Thant gửi thư cảnh báo Ngô Đình Diệm và thông báo cho biết nhiều tổ chức trên thế giới đã đề nghị đưa vấn đề kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm ra Đại hội đồng Liên hợp quốc (61). Tổng Thư ký Liên hợp quốc U Thant cho rằng: “không có quốc gia nào hỗn loạn như Nam Việt Nam và càng ngày càng tệ hơn. Nó hoàn toàn thiếu hai ưu điểm của dân chủ, khả năng thay đổi chính quyền bằng thủ tục hiến pháp và khả năng tiến hành công việc bằng thuyết phục thay vì vũ lực” (62). Qua đó, uy tín quốc tế của chính quyền Việt Nam Cộng hòa bị suy giảm, làm chính phủ Mỹ e ngại trong việc tăng cường can thiệp vào miền Nam Việt Nam để thi hành chính sách xâm lược thực dân kiểu mới.

Theo thiền sư Thích Nhất Hạnh, “thế giới bắt đầu thực sự quan tâm đến vấn đề Việt Nam và vai trò của người Phật tử sau khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu trên đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn vào ngày 11-6-1963, để kêu gọi dư luận thế giới quan tâm đến những đau khổ của nhân dân [miền Nam - TG] Việt Nam dưới chế độ áp bức của Ngô Đình Diệm. Việc Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu có tác động tình cảm lớn hơn nhiều đối với phương Tây so với phương Đông, bởi vì sự khác biệt lớn về nguồn gốc tôn giáo và văn hóa” (63). Điều đó càng kích thích dư luận các nước phương Tây tìm hiểu về Phật giáo

Việt Nam và mở rộng hơn nữa là vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, từ đó nhận rõ nguyên nhân của hành động tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức trước chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, bản chất việc chính phủ Mỹ can thiệp vào miền Nam Việt Nam.

*Đối với Mỹ*, bức ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã chạm đến trái tim của người dân Hoa Kỳ, lột tả chế độ phát xít, phản động của chính quyền Ngô Đình Diệm. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu “dường như là một hành động tín ngưỡng cực đoan, kỳ lạ đối với người Mỹ và người châu Âu, những người rung mình trước những bức ảnh chụp ngọn lửa xăng đang thiêu rụi nhà sư. Nếu họ không hiểu biểu tượng tôn giáo trong hành động của Quảng Đức, người Mỹ sẽ cảm thấy rằng một tình trạng bất ổn sâu xa đã xâm chiếm Việt Nam và rằng đa số Phật tử trong nước đã cố gắng tổ chức và biểu thị cho các cuộc biểu tình chống lại sự phân biệt đối xử của chính quyền Ngô Đình Diệm” (64). Tình hình đó khiến chính phủ Mỹ dè chừng trong việc có những động thái tăng cường can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam. Vì vậy, chính phủ Mỹ đã yêu cầu Ngô Đình Diệm có giải pháp ổn định tình hình Phật giáo, song không được Ngô Đình Diệm thực thi hiệu quả. Điều đó làm cho giới cố vấn Mỹ đi đến sự chia rẽ giữa nhóm ủng hộ Ngô Đình Diệm và phe còn lại là tìm một người mới thay Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân xâm lược kiểu mới của họ. Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ Maxwell D. Taylor đã khẳng định: “Chúng tôi đã xem những bức ảnh đầy bi đát và khủng khiếp về các tu sĩ Phật giáo tự thiêu - có lẽ là để phản đối sự cai trị độc tài của Ngô Đình Diệm. Nó dẫn đến sự chia rẽ thực sự giữa các cố vấn của Kennedy về việc chúng ta sẽ đi đâu từ đây

- bởi vì có một nhóm mạnh đã chọn khẩu hiệu “Bạn không thể thắng với Ngô Đình Diệm”. Nhóm khác, mà tôi thuộc về, lập luận rằng có lẽ chúng ta không thể thắng với ông Ngô Đình Diệm, nhưng nếu không phải là ông Ngô Đình Diệm thì là ai? Và câu trả lời là sự im lặng hoàn toàn” (65). Cuối cùng phe tìm người thay Diệm thắng thế, một cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm từng bước được định hình và xây dựng kế hoạch của lực lượng các tướng lĩnh quân đội Sài Gòn, có sự hỗ trợ trực tiếp từ Đại sứ Henry Cabot Lodge. Ngày 1-11-1963, cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu và giành thắng lợi nhanh chóng. Từ đó, cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo, chống chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, cũng kết thúc.

#### 4. Tạm kết

Cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam năm 1963 trước chính sách cai trị kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm là một phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam, phản ánh sinh động những mâu thuẫn chính yếu trong xã hội miền Nam Việt Nam sau năm 1954. Tuy nhiên, trong khuôn khổ chế độ “gia đình trị” Ngô Đình Diệm, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo theo phương thức bất bạo động, chủ yếu gây sức ép đối với chính quyền cải thiện chính sách, nên khi chính quyền cứng rắn thì cuộc đấu

tranh đi vào bế tắc, mãi đến khi chính phủ Mỹ “thay ngựa giữa dòng” cuộc đấu tranh mới tháo gỡ được bế tắc. Tuy nhiên, trong ba năm sau đó (1964 - 1966), Phật giáo lại tiếp tục bước vào giai đoạn đấu tranh mới đối với các chính quyền mới ở miền Nam Việt Nam do chính phủ Mỹ dựng lên.

Tuy vậy, cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp của Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 theo hình thức bất bạo động chứng tỏ tinh thần hòa bình của Phật giáo, đánh thức tâm thức và tình cảm của đông đảo nhân loại tiến bộ. Đặc biệt, hình ảnh tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đưa cuộc đấu tranh bảo vệ chính pháp lên đến cao trào, tạo nên sự đoàn kết, nhất trí giữa các tổ chức, hội, giáo hội ở miền Nam Việt Nam, xúc tiến cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo và vận động thành lập một giáo hội Phật giáo thống nhất; tạo nên một làn sóng dư luận mạnh mẽ về vấn đề Việt Nam làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm nhượng bộ; đồng thời, là *chất xúc tác* cho một loạt hành động sai lầm của chính quyền Ngô Đình Diệm và sự phân hóa chính giới Mỹ, đẩy gia đình họ Ngô đến ngõ cụt sập đổ. Ngoài ra, sự xả thân vì đạo Phật của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã đưa Hòa thượng trở thành một vị *bồ tát* trong lòng tăng ni, Phật tử miền Nam Việt Nam, tạo ra giá trị truyền thống, cao quý và xả thân của Phật giáo, góp phần tạo nên tâm thức văn hóa Phật giáo Việt Nam hiện đại.

### CHÚ THÍCH

- (1). Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, t.II, tr.294.
- (2). Huỳnh Thanh Mộng, “Bước đầu tìm hiểu về Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (562), 2023, tr.31.
- (3). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.131.

- (4). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, sđd, tr.132.
- (5), (6), (9), (15), (16). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, sđd, tr.138, 142, 143, 144.
- (7). Hoàng Linh Đỗ Mậu, *Tâm sự tướng lưu*

vong (*Việt Nam máu lửa quê hương tôi*), Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.427.

(8), (17), (18), (23), (57). Hoàng Linh Đỗ Mậu, *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quê hương tôi)*, sđd, tr.429, 432, 432, 434, 439.

(10). Nam Thanh, *Cuộc tranh đấu lịch sử của Phật giáo Việt Nam*, Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.9.

(11). Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, sđd, t.II, tr.295.

(12), (13), (14), (26), (29), (32), (45). Nam Thanh (1964), *Cuộc tranh đấu lịch sử của Phật giáo Việt Nam*, sđd, tr.9, 9, 9, 20-23, 26, 34, 19.

(19). Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo Việt Nam có các thành viên chính là: Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Tăng già Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nam Việt, Hội Phật học Nam Việt, Giáo hội Tăng già Trung Phần, Hội Phật học Trung Phần, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Phật giáo Bắc Việt, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy, Hội Phật giáo Nguyên thủy, Giáo hội Tăng già Theravada, Hội Phật tử Theravada, Giáo hội Thiền tịnh Đạo tràng. Ngoài ra, còn có một số đoàn thể Phật giáo khác tham gia như Hội Quan Âm Phổ Tế, Hội Phật giáo người Việt gốc Hoa, Giáo hội Tăng già Khất sĩ, Hội Phật tử Việt Nam, Hội Linh sơn Phật học, Giáo hội Lục hòa tăng, Hội Tịnh độ tông, Hội Phật tử hải ngoại... Xem Bùi Chí Huấn, *Phật giáo và các vấn đề hiện chương*, Luận văn tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chính, lưu tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, số tài liệu LVHC 349, 1971, tr.26-17.

(20), (21), (22), (24), (25), (27), (28), (30), (31), (33), (35), (40). Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, sđd, tr.146-147, 147, 147, 150, 150, 152, 151, 153, 155, 164, 165, 165.

(34). Ban Tổng kết chiến tranh Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Nxb.

Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.379.

(36). Ellen J. Hammer (1987), *A death in November*, E. P. Dutton, New York, p.171, 201; Hoàng Linh Đỗ Mậu (1998), *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quê hương tôi)*, sđd, tr.451.

(37), (38), (39). *Foreign Relations of the United States, 1961-1963, Volume III, Vietnam, January - August 1963* (1991), United States Government Printing Office, Washington, pp.629-630, 630, 630.

(41). *Foreign Relations of the United States, 1961-1963, Volume IV, Vietnam, August - December 1963* (1991), *Ibid*, pp.147-148.

(42), (43), (44), (54), (62). Ellen J. Hammer (1987), *A death in November, Ibid*, p.205, 255, 255.

(46), (56). Thích Nhật Từ, Nguyễn Kha (Đồng chủ biên): *Pháp nạn Phật giáo 1963-Nguyên nhân, bản chất và tiến trình*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2013, tr.670, 198.

(47), (48), (51). Trần Văn Giàu, *Tổng tập*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.1213, 1213, 1213-1214.

(49), (50), (52). Hữu Mai, *Ông Cố vấn - Hồ sơ của một điệp viên (tiểu thuyết tình báo)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1988, t.I, tr.240, 240, 241.

(53). Trần Bạch Đằng (Chủ biên), *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.682.

(55), (65). Michael Maclear, *The ten thousand day war: Vietnam, 1945-1975*, St. Martin's Press, New York, p.64, 65.

(58), (59), (60), (61). Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2001), *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, sđd, tr.158, 160, 154, 163.

(63). Thích Nhất Hạnh (1967), *Vietnam: Lotus in a Sea of Fire*, Hill and Wang, New York, p.1.

(64). Jerrold Schecter (1967), *The New Face of Buddha: Buddhism and Political Power in Southeast Asia*, Coward-McCann, Inc., New York, pp.167-168.